

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**



## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch	
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2025
Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên	
Ông Vũ Ngọc Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2025
Ông Lê Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2025
Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên	
Ông Phạm Bá Chính	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2025

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Thân	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng Ban	
Bà Đặng Thanh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2025
Ông Chu Thế Nga	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2025
Ông Phan Văn Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2025
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2025

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thanh Hương.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 05 đến trang 40 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Dương Ngọc Tú**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2025



Số: 918/2025/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Mẫu số B01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>347.455.491.769</b>	<b>360.796.526.906</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	162.243.624.166	138.606.671.177
Tiền	111		141.043.624.166	136.267.728.164
Các khoản tương đương tiền	112		21.200.000.000	2.338.943.013
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	79.500.000.000	133.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	79.500.000.000	133.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.956.926.657	19.062.057.194
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.431.213.659	11.074.002.063
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	342.014.226	1.861.167.936
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.685.390.625	15.628.579.048
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.501.691.853)	(9.501.691.853)
Hàng tồn kho	140	10	37.155.465.497	39.930.054.145
Hàng tồn kho	141		37.155.465.497	39.930.054.145
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.599.475.449	30.197.744.390
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	2.347.209.179	2.261.518.985
Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.392.485.723	26.374.616.331
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	859.780.547	1.561.609.074
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>425.939.058.470</b>	<b>448.060.332.357</b>
Tài sản cố định	220		394.839.953.305	416.472.851.428
Tài sản cố định hữu hình	221	12	394.839.953.305	416.472.851.428
- Nguyên giá	222		1.210.837.324.743	1.211.733.151.966
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(815.997.371.438)	(795.260.300.538)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(664.654.500)	(664.654.500)
Bất động sản đầu tư	230	15	2.244.354.781	2.640.417.397
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.455.649.870)	(21.059.587.254)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.224.343.997
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	1.224.343.997
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	309.068	309.068
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	1.437.338	1.437.338
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(1.128.270)	(1.128.270)
Tài sản dài hạn khác	260		28.854.441.316	27.722.410.467
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	28.854.441.316	27.722.410.467
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>773.394.550.239</b>	<b>808.856.859.263</b>

Mẫu số B01a – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>206.017.254.155</b>	<b>231.694.514.575</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.686.599.054</b>	<b>105.057.390.517</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.389.734.294	27.605.100.104
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	533.622.589	11.007.654.829
Phải trả người lao động	314		12.190.508.549	24.508.693.095
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.073.535.825	5.042.676.756
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.448.956.956	777.524.935
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.041.505.736	4.390.253.126
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	20.905.357.144	20.905.357.144
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.103.377.961	10.820.130.528
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>116.330.655.101</b>	<b>126.637.124.058</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.119.000.000	900.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	114.979.464.284	125.432.142.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341		232.190.817	304.981.202
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>567.377.296.084</b>	<b>577.162.344.688</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>567.377.296.084</b>	<b>577.162.344.688</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		205.419.172.908	170.411.314.026
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.958.523.176	66.751.430.662
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.632.403.361	1.030.197.917
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		326.119.815	65.721.232.745
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>773.394.550.239</b>	<b>808.856.859.263</b>

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú



Mẫu số B02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	319.868.944.515	304.858.030.527
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		319.868.944.515	304.858.030.527
Giá vốn hàng bán	11	25	302.789.265.089	296.436.889.482
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.079.679.426	8.421.141.045
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.474.662.545	10.885.809.087
Chi phí tài chính	22	27	5.349.016.336	261.965.757
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.567.033.006	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	28	4.700.703.594	4.391.908.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	13.015.927.074	12.798.581.160
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		488.694.967	1.854.495.206
Thu nhập khác	31	29	155.671.517	33.368.984.408
Chi phí khác	32	30	202.176.772	404.193.970
Lợi nhuận khác	40		(46.505.255)	32.964.790.438
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		442.189.712	34.819.285.644
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	188.860.282	6.330.760.334
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(72.790.385)	653.897.445
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		326.119.815	27.834.627.865
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		326.119.815	27.834.627.865
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	10	819
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	10	819

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú



Mẫu số B03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>442.189.712</b>	<b>34.819.285.644</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.240.511.245	38.884.047.369
Các khoản dự phòng	03		-	(47.160.400)
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04		(1.125.438.290)	(4.291.937.536)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(3.588.084.572)	(30.422.914.135)
Chi phí lãi vay	06		4.567.033.006	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>22.536.211.101</b>	<b>38.941.320.942</b>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		(19.393.127.822)	9.693.280.642
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		2.774.588.648	(11.965.900.830)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.491.029.454)	(6.901.531.793)
Giảm chi phí trả trước	12		(1.217.721.043)	(2.859.238.941)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.602.400.288)	(13.878.198.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.056.848.664)	(7.570.327.142)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.500.000	8.100.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.868.420.986)	(1.191.170.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(18.278.248.508)</b>	<b>4.276.333.867</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.041.684.588)	(22.894.265.159)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		153.759.259	66.901.675.521
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79.500.000.000)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		133.000.000.000	30.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.796.406.132	1.984.543.168
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>51.408.480.803</b>	<b>43.991.953.530</b>

Mẫu số B03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.452.678.572)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.452.678.572)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>22.677.553.723</b>	<b>48.268.287.397</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>138.606.671.177</b>	<b>225.987.361.934</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		959.399.266	4.269.729.923
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>162.243.624.166</b>	<b>278.525.379.254</b>

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Mẫu số B09a - DN/HN**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 30 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.999.600.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 339.999.600.000 đồng; tương đương 33.999.960 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 460 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 459 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có công ty con sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	100%	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.5 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Phần mềm quản lý	03

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**3.9 THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí sửa chữa các tàu lên đà: Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 05 năm 02 lần.
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm của Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm quy định trên hợp đồng bảo hiểm.
- Chi phí trả trước khác: Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ,... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

**3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**3.12 VAY**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**3.17 DOANH THU**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

**3.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.. được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**3.21 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	533.886.897	673.792.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	140.509.737.269	135.593.936.164
- Các khoản tương đương tiền	21.200.000.000	2.338.943.013
<b>Cộng</b>	<b>162.243.624.166</b>	<b>138.606.671.177</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	79.500.000.000	133.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>79.500.000.000</b>	<b>133.000.000.000</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,2% - 5,65%/năm được gửi tại các ngân hàng thương mại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2025				01/01/2025			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
Đầu tư vào đơn vị khác (*)	1.437.338	(1.128.270)	357.600	0%	1.437.338	(1.128.270)	423.200	0%
+ CTCP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam - VST	1.369.070	(1.128.270)	240.800	0%	1.369.070	(1.128.270)	240.800	0%
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB (***)	68.268	-	116.800	0%	68.268	-	182.400	0%
Cộng	1.437.338	(1.128.270)	357.600		1.437.338	(1.128.270)	423.200	

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thực thể mình này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.431.213.659</b>	<b>(2.159.204.279)</b>	<b>11.074.002.063</b>	<b>(2.159.204.279)</b>
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	(1.104.934.000)	1.104.934.000	(1.104.934.000)
- Fortem Cement Corporation	4.578.593.050	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Xuất nhập khẩu Thiên Phúc	2.447.805.142	-	-	-
- Bright Spring International Ltd	1.957.912.844	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	2.168.522.172	-	1.033.353.396	-
- Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	2.749.467.510	-	2.009.134.476	-
- Phải thu khách hàng khác	7.423.978.941	(1.054.270.279)	6.926.580.191	(1.054.270.279)
<b>Cộng</b>	<b>22.431.213.659</b>	<b>(2.159.204.279)</b>	<b>11.074.002.063</b>	<b>(2.159.204.279)</b>

Phải thu khách hàng là bên liên quan chi tiết trình bày tại thuyết minh 36.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>342.014.226</b>	<b>-</b>	<b>1.861.167.936</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	-	-	1.312.546.987	-
- Trả trước cho người bán khác	342.014.226	-	548.620.949	-
<b>Cộng</b>	<b>342.014.226</b>	<b>-</b>	<b>1.861.167.936</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	1.115.184.937	-	1.477.265.756	-
- Tạm ứng	3.387.697.065	-	2.237.847.707	-
- Ký quỹ, ký cược	48.549.000	-	32.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin (*)	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	5.348.418.190	-	4.287.420.941	-
- Phải thu khác	443.053.859	-	251.557.070	-
<b>Cộng</b>	<b>17.685.390.625</b>	<b>(7.342.487.574)</b>	<b>15.628.579.048</b>	<b>(7.342.487.574)</b>

(\*) Phải thu tiền sửa chữa tàu Greensea của Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinasin (Vinasinlines)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)	7.342.487.574
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)	1.104.934.000
- Các đối tượng khác	1.054.270.279	-	(1.054.270.279)	1.054.270.279
<b>Cộng</b>	<b>9.501.691.853</b>	<b>-</b>	<b>(9.501.691.853)</b>	<b>9.501.691.853</b>

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	37.034.595.497	-	38.164.830.442	-
- Công cụ, dụng cụ	120.870.000	-	26.975.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.738.248.703	-
<b>Cộng</b>	<b>37.155.465.497</b>	<b>-</b>	<b>39.930.054.145</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Mua sắm TSCĐ	-	267.000.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	957.343.997
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.224.343.997</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	83.343.254.061	5.102.897.024	1.116.937.998.783	6.349.002.098	1.211.733.151.966
- Mua trong kỳ	-	-	309.207.222	-	309.207.222
- Đầu tư XDCB hoàn thành	(97.656.716)	-	-	-	(97.656.716)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.107.377.729)	-	(1.107.377.729)
30/06/2025	83.245.597.345	5.102.897.024	1.116.139.828.276	6.349.002.098	1.210.837.324.743
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(7.666.430.501)	(471.796.901)	(786.126.278.626)	(995.794.510)	(795.260.300.538)
- Khấu hao trong kỳ	(1.624.116.021)	(409.092.336)	(19.047.297.940)	(763.942.332)	(21.844.448.629)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.107.377.729	-	1.107.377.729
30/06/2025	(9.290.546.522)	(880.889.237)	(804.066.198.837)	(1.759.736.842)	(815.997.371.438)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	75.676.823.560	4.631.100.123	330.811.720.157	5.353.207.588	416.472.851.428
30/06/2025	73.955.050.823	4.222.007.787	312.073.629.439	4.589.265.256	394.839.953.305

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 279.047.667.268 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 291.265.856.092 đồng).
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 623.567.769.090 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 342.653.403.570 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2025	664.654.500	664.654.500
30/06/2025	664.654.500	664.654.500
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2025	(664.654.500)	(664.654.500)
- Khấu hao trong kỳ	-	-
30/06/2025	(664.654.500)	(664.654.500)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2025	-	-
30/06/2025	-	-

- Nguyên giá tài sản vô hình của Công ty đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 664.654.500 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 664.654.500 đồng).

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.347.209.179</b>	<b>2.261.518.985</b>
- Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.286.755.846	2.198.968.985
- Các khoản khác	60.453.333	62.550.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>28.854.441.316</b>	<b>27.722.410.467</b>
- Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	26.930.212.401	25.668.724.065
- Chi phí trả trước trang thiết bị toà nhà	1.463.344.600	1.829.180.746
- Các khoản khác	460.884.315	224.505.656
<b>Cộng</b>	<b>31.201.650.495</b>	<b>29.983.929.452</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2025
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	23.700.004.651	-	-	23.700.004.651
- Nhà	2.627.505.019	-	-	2.627.505.019
- Cơ sở hạ tầng	21.072.499.632	-	-	21.072.499.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(21.059.587.254)	(396.062.616)	-	(21.455.649.870)
- Nhà	(2.627.505.019)	-	-	(2.627.505.019)
- Cơ sở hạ tầng	(18.432.082.235)	(396.062.616)	-	(18.828.144.851)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	2.640.417.397	-	(396.062.616)	2.244.354.781
- Nhà	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	2.640.417.397	-	(396.062.616)	2.244.354.781

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang cho thuê tại ngày 30/06/2025: 6.546.020.001 đồng (tại ngày 01/01/2025: 6.546.020.001 đồng);
- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là: 1.569.657.383 đồng;
- Các khoản tiền thuế thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này do chưa có thị trường sẵn có cho các tài sản này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.389.734.294</b>	<b>26.389.734.294</b>	<b>27.605.100.104</b>	<b>27.605.100.104</b>
- PT Indofuels Limited	4.495.352.532	4.495.352.532	8.521.857.720	8.521.857.720
- Công ty Cổ phần dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	997.061.600	997.061.600	1.832.176.000	1.832.176.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	-	-	3.512.784.658	3.512.784.658
- Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	7.799.493.800	7.799.493.800	6.367.400.000	6.367.400.000
- Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật xanh	-	-	618.099.040	618.099.040
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	5.267.643.000	5.267.643.000	-	-
- Các đối tượng khác	7.830.183.362	7.830.183.362	6.752.782.686	6.752.782.686
<b>Cộng</b>	<b>26.389.734.294</b>	<b>26.389.734.294</b>	<b>27.605.100.104</b>	<b>27.605.100.104</b>

Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan trình bày tại thuyết minh 36.1

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2025	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	851.452.108		1.722.437.039		2.212.993.294		360.895.853	
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-		136.449.442		136.449.442		-	
- Thuế xuất, nhập khẩu	-		31.757.865		31.757.865		-	
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.039.944.740		167.168.789		10.056.848.664		150.264.865	
- Thuế Thu nhập cá nhân	116.257.981		401.341.022		495.137.132		22.461.871	
- Thuế Môn bài	-		7.000.000		7.000.000		-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		159.772		159.772		-	
	11.007.654.829		2.466.313.929		12.940.346.169		533.622.589	
	01/01/2025		Số phải nộp/đã khấu trừ trong kỳ		Số phải thu/thực nộp trong kỳ		30/06/2025	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.539.917.581		755.143.859		67.502.484		852.276.206	
- Thuế TNDN nộp thừa	21.691.493		21.691.493		-		-	
- Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		7.504.341		7.504.341	
	1.561.609.074		776.835.352		75.006.825		859.780.547	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	5.602.542.491	4.276.396.773
- Trích trước chi phí lãi vay	120.993.334	156.360.616
- Trích trước chi phí XD CB lô đất TM8	-	231.481.481
- Các khoản trích trước khác	350.000.000	378.437.886
<b>Cộng</b>	<b>6.073.535.825</b>	<b>5.042.676.756</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	1.448.956.956	777.524.935
<b>Cộng</b>	<b>1.448.956.956</b>	<b>777.524.935</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.041.505.736</b>	<b>4.390.253.126</b>
- Kinh phí công đoàn	-	744.000
- Bảo hiểm y tế	-	55.640.320
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.587.441	135.738.001
- Nhận ký quỹ, ký cược	110.000.000	24.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.375.000	507.375.000
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.481.384.453	1.471.921.383
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	777.158.842	2.194.834.422
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.119.000.000</b>	<b>900.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.119.000.000	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.160.505.736</b>	<b>5.290.253.126</b>

Chi tiết phải trả khác là bên liên quan trình bày tại thuyết minh 36.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	20.905.357.144	20.905.357.144	10.452.678.572	10.452.678.572	20.905.357.144	20.905.357.144
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	20.905.357.144	20.905.357.144	10.452.678.572	10.452.678.572	20.905.357.144	20.905.357.144
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	20.905.357.144	20.905.357.144	10.452.678.572	10.452.678.572	20.905.357.144	20.905.357.144
b) Vay dài hạn	114.979.464.284	114.979.464.284	-	10.452.678.572	125.432.142.856	125.432.142.856
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	114.979.464.284	114.979.464.284	-	10.452.678.572	125.432.142.856	125.432.142.856
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	114.979.464.284	114.979.464.284	-	10.452.678.572	125.432.142.856	125.432.142.856
Cộng	135.884.821.428	135.884.821.428	10.452.678.572	20.905.357.144	146.337.500.000	146.337.500.000

(\*) Hợp đồng tín dụng số 221/2024/HĐCV ngày 12/11/2024. Hạn mức tối đa 151.879.475.000 đồng, thời hạn vay từ khi nhận nợ 84 tháng, mục đích vay để đầu tư mua tàu Vinaship Unity. Tài sản thế chấp là tàu Vinaship Unity. Khế ước nhận nợ lần 01 ngày 27/11/2024 số tiền 146.337.500.000 đồng lãi suất cố định cho 2 năm đầu tiên, các năm tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất VND tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của MSB + margin 1,5%/năm kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng 1 lần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	200.000.000.000	146.220.778.825		170.441.911.253	516.662.690.078	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	65.721.232.745	65.721.232.745	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-	-	
- Phân phối lợi nhuận	-	164.190.135.201		(169.411.713.336)	(5.221.578.135)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	164.190.135.201		(164.190.135.201)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.221.578.135)	(5.221.578.135)	
31/12/2024	339.999.600.000	170.411.314.026		66.751.430.662	577.162.344.688	
01/01/2025	339.999.600.000	170.411.314.026		66.751.430.662	577.162.344.688	
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	326.119.815	326.119.815	
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	35.007.858.882		(45.119.027.301)	(10.111.168.419)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	35.007.858.882		(35.007.858.882)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(10.111.168.419)	(10.111.168.419)	
30/06/2025	339.999.600.000	205.419.172.908		21.958.523.176	567.377.296.084	

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, trong đó thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 9.831.850.676 đồng, Quỹ Đầu tư phát triển là 34.899.521.679 đồng và trích Quỹ thưởng người quản lý là 228.760.381 đồng.

Theo Quyết định số 95/2025/VNS-KTĐT ngày 11/04/2025 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, trong đó thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 50.557.362 đồng, Quỹ Đầu tư phát triển là 108.337.203 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	173.400.000.000	51,00%	173.400.000.000	51,00%
- Công ty Cổ phần Container Việt Nam Viconship	136.032.400.000	40,01%	136.032.400.000	40,01%
- Các cổ đông khác	30.567.200.000	8,99%	30.567.200.000	8,99%
<b>Cộng</b>	<b>339.999.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**22.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	33.999.960
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	33.999.960
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**22.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	205.419.172.908	170.411.314.026
<b>Cộng</b>	<b>205.419.172.908</b>	<b>170.411.314.026</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**23.1 TÀI SẢN CHO THUÊ NGOÀI**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
Tài sản cho thuê ngoài	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	8.311.091.995	6.536.940.982
- Từ 1 đến 5 năm	22.278.434.534	18.288.181.818
<b>Cộng</b>	<b>30.589.526.529</b>	<b>24.825.122.800</b>

**23.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại: khu đất số 200 đường 356 Hạ Đoạn, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng; khu đất tại đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại lô TM8, phường An Biên, thành phố Hải Phòng; khu đất tại 26 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 22.754,11 m2. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

**23.3 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
- Dollar Mỹ (USD)	5.006.180,93	5.001.736,43

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động vận tải biển	199.151.342.389	220.214.194.301
- Doanh thu vận tải biển thuê tàu ngoài	77.647.310.430	52.765.442.738
- Doanh thu cho thuê văn phòng và bất động sản đầu tư	4.061.012.255	1.988.412.792
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	30.611.197.377	24.727.289.592
- Doanh thu bán hàng hóa	8.015.850.364	4.829.782.701
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	382.231.700	332.908.403
<b>Cộng</b>	<b>319.868.944.515</b>	<b>304.858.030.527</b>

Chi tiết doanh thu bên liên quan trình bày tại thuyết minh 36.1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn hoạt động vận tải biển	189.541.700.047	217.504.181.357
- Giá vốn hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	75.144.595.260	50.269.363.558
- Giá vốn cung cấp cho thuê bất động sản	1.310.750.200	1.108.170.933
- Giá vốn hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	28.573.165.772	22.511.040.255
- Giá vốn bán hàng hóa	7.947.347.203	4.826.851.648
- Giá vốn cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác	271.706.607	217.281.731
<b>Cộng</b>	<b>302.789.265.089</b>	<b>296.436.889.482</b>

Chi tiết mua hàng bên liên quan trình bày tại thuyết minh số 36.1

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi	3.434.325.313	1.635.873.304
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.914.898.942	4.957.998.247
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	1.125.438.290	4.291.937.536
<b>Cộng</b>	<b>6.474.662.545</b>	<b>10.885.809.087</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	4.567.033.006	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	781.983.186	309.057.853
- (Hoàn nhập)/ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(47.160.400)
- Chi phí tài chính khác	144	68.304
<b>Cộng</b>	<b>5.349.016.336</b>	<b>261.965.757</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>4.700.703.594</b>	<b>4.391.908.009</b>
- Hoa hồng phí cho các tàu	4.700.703.594	4.391.908.009
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.015.927.074</b>	<b>12.798.581.160</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	793.686.822	548.003.102
- Chi phí nhân công	6.822.603.190	9.017.795.860
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.515.336.313	434.368.205
- Thuế, phí và lệ phí	295.358.630	7.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.272.707	1.154.560.761
- Chi phí bằng tiền khác	1.479.669.412	1.636.853.232
<b>Cộng</b>	<b>17.716.630.668</b>	<b>17.190.489.169</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**29. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Thu nhập do được giảm lãi phạt từ ngân hàng	-	4.532.735.541
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	160.000.000	67.177.500.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	(6.240.741)	(38.415.459.169)
- Các khoản khác	1.912.258	74.208.036
<b>Cộng</b>	<b>155.671.517</b>	<b>33.368.984.408</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Các khoản bị phạt	159.772	3.250
- Các khoản chi phí khác	202.017.000	404.190.720
<b>Cộng</b>	<b>202.176.772</b>	<b>404.193.970</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	136.899.101	6.254.741.740
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	51.961.181	76.018.594
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>188.860.282</b>	<b>6.330.760.334</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(72.790.385)	653.897.445
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(72.790.385)</b>	<b>653.897.445</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	87.985.342.494	95.939.756.226
- Chi phí nhân công	44.849.525.421	48.400.652.614
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.240.511.245	38.884.047.369
- Thuế, phí và lệ phí	702.963.989	408.215.992
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.494.867.115	124.910.032.892
- Chi phí bằng tiền khác	3.547.089.587	4.875.043.207
<b>Cộng</b>	<b>310.820.299.851</b>	<b>313.417.748.300</b>

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (VND)	326.119.815	27.834.627.865
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>326.119.815</b>	<b>27.834.627.865</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ (*)	33.999.960	33.999.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	10	819

(\*) Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ đã được điều chỉnh cho cả giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 do công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông tăng vốn từ Quỹ đầu tư và phát triển lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 trước điều chỉnh là 1.392 VND/CP.

**35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**36. THÔNG TIN KHÁC**

**36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
3	Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
4	Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Cùng tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	Bên liên quan của cổ đông lớn
8	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
9	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Bên liên quan của cổ đông lớn
10	Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>12.561.393.136</b>	<b>911.231.639</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	124.600.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	496.991.019	786.631.639
- Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	2.067.260.700	-
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	1.992.968.267	-
- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	5.395.816.900	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh	16.200.000	-
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	2.592.156.250	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1.612.302.950</b>	<b>1.022.392.880</b>
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ VOSCO	1.610.740.000	1.013.140.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	9.252.880
- Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	1.562.950	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**36. THÔNG TIN KHÁC**

**36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan:*

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>3.841.178.944</b>	<b>2.923.957.299</b>
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	274.117.641	358.689.457
- Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	360.073.620	506.925.972
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	535.428.954	693.407.790
- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	2.168.522.172	1.033.353.396
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	503.036.557	331.580.684
<b>Phải trả người bán</b>	<b>510.074.800</b>	<b>111.750.767</b>
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ VOSCO	510.074.800	90.810.500
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	-	20.940.267

*Thu nhập của quản lý chủ chốt:*

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
1	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch HĐQT	59.000.000	40.000.000
2	Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	39.000.000	34.000.000
3	Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	522.884.599	432.767.229
4	Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	51.000.000	8.000.000
5	Ông Phạm Bá Chính	Thành viên HĐQT	39.000.000	34.000.000
6	Ông Vũ Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT	12.000.000	-
7	Ông Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT	12.000.000	-
8	Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng giám đốc	5.000.000	297.483.240
9	Ông Đoàn Minh Thân	Phó Tổng giám đốc	335.472.682	-
10	Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng giám đốc	393.614.930	313.868.255
11	Bà Trần Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	340.365.345	281.741.826
12	Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban kiểm soát	51.000.000	34.000.000
13	Bà Đặng Thanh Tâm	Thành viên BKS	10.000.000	-
14	Ông Chu Thế Nga	Thành viên BKS	10.000.000	-
15	Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên BKS	24.000.000	23.000.000
16	Ông Phan Văn Hưng	Thành viên BKS	24.000.000	23.000.000
<b>Tổng</b>			<b>1.928.337.556</b>	<b>1.521.860.550</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Bảo Ngọc**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thanh Hương**

**Tổng Giám đốc**



**Dương Ngọc Tú**